TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2022
V/v xin ly hôn, giải quyết về con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mưng Niê.

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông Đinh Quang Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về *Xin ly hôn, giải quyết về con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị H.

Địa chỉ HKTT: Buôn V, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: Phố N, ngõ A/L đường A, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội – Vắng mặt (Chị H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C.

Địa chỉ HKTT: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk,

Nơi ở hiện nay: Công ty TNHH A (Công ty Cồn A), ấp B, xã BM, huyện BT, tỉnh B – Vắng mặt (Anh C có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày10/3/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/4/2018. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do trong cuộc sống không hợp nhau và công việc làm ăn vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Đến nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Duy, sinh ngày 30/10/2018. Chị H yêu cầu được giao con cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con thì chị H và anh C tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/6/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C thừa nhận lời trình bày của chị H về việc kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng, không bổ sung gì thêm, anh C đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Duy, sinh ngày 30/10/2018. Hiện nay con đang sống với anh C nên anh C đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh C không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết, xét xử vắng mặt vì điều kiện thời gian, công việc không thể có mặt tại Tòa án để trực tiếp tham gia tố tụng đối với vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn giữa các chị H và anh C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế chị H và anh C đã ly thân không còn chung sống từ tháng 12/2020 đến nay nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh C là phù hợp.

Về con chung: Chị H yêu cầu giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và anh C đồng ý nên cần chấp nhận giao con chung là Nguyễn Tuấn Duy, sinh ngày 30/10/2018 cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh C không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con C khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Lý Thị H:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị H và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/4/2018, quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Chị H và anh C đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thực tế vợ chồng không còn chung sống, đã sống ly thân từ khoảng tháng 12/2020 đến nay, anh C cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh C xảy ra mâu thuẫn là có thật và làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ, cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh C là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Tuấn Duy, sinh ngày 30/10/2018, chị H yêu cầu giao con cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của anh C nên cần chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Lý Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn Duy, sinh ngày 30/10/2018 cho anh Nguyễn Văn C được trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn C không yêu cầu chị Lý Thị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lý Thị H và anh C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lý Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0007769 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- UBND xã C, H. Krông Búk;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân